

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HNST

Ngày: 09/7/2019

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tám
- Ông Lê văn Thành
- Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến Công

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ kiện thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Phan Thị Thúy L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C B, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Lê Ngọc H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn chị Phan Thị Thúy L trình bày: Do quen biết nên chị với anh Lê Ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn. Anh, chị sống hạnh phúc được khoảng tháng 2 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H khắc khe trong việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình, hay ghen vô cớ và nhiều lần chửi mắng, xúc phạm cha, mẹ chị. Anh, chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019, chị trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H; về con chung có 02 con chung tên Lê Vĩnh H, sinh ngày 13/7/1999 và Lê Phan Vĩnh H, sinh ngày 17/8/2012 hiện nay cháu H đã trưởng thành, Riêng cháu H do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con cháu Lê Phan Vĩnh H, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, được cất trên đất của cha chồng là ông Lê Văn T, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. 01 ghe, 01 máy Diesel F6, 01 chiếc xe mô tô hiệu Air – blade biển số 63B1-406.09, 1 tủ lạnh hiệu Sony, 01 máy giặt hiệu Sony, Tài sản hàng hóa gồm bia, nước giải khát, vỏ chai bia, bình gas, vỏ bình gas, nhà khách, bàn ghế, cổng hoa, chén đĩa, đồ dùng đám tiệc... để phục vụ cho việc cho thuê. Tiền tiết kiệm gửi tại Quỹ Tín Dụng Tân Thanh số tiền 60.000.000 đồng. Số tài sản này hiện nay do anh H đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Ngọc H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân và con chung nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 02/2019 đến nay. Nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Phan Vĩnh H, sinh ngày 17/8/2012, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất về các tài sản chung trong nhà và hàng hóa như chị L trình bày. Riêng số tiền tiết kiệm gửi tại Quỹ Tín Dụng Tân Thanh số tiền 60.000.000 đồng anh đã rút ra chi tiêu trong gia đình chỉ còn lại 12.000.000 đồng. Ngoài ra khi chị L đi có đem theo 01 chiếc lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 18Kr, 01 bộ vòng simen 14 chiếc trọng lượng 07 chỉ vàng 18Kr, tiền mặt 6.000.000 đồng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết để các bên tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh H không đồng ý ly hôn, chị L rút lại yêu cầu phân tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Phan Thị Thúy L xác lập quan hệ vợ chồng với anh Lê Ngọc H vào năm 1997, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2005, ngày 16/8/2005; cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cả nên mất hạnh phúc, theo chị L trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H khắc khe trong việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình, hay ghen vô cớ và nhiều lần chửi mắng, xúc phạm cha mẹ chị, đã sống ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể hàn gắn nên chị có yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nên mất hạnh phúc anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H không

còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L có yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng không có thiện chí hàn gắn nên chấp nhận chị L được ly hôn với anh H

Về con chung: Chị L trình bày và thể hiện trong giấy khai sinh giữa chị L với anh H có 02 con chung Lê Vĩnh H, sinh ngày 13/7/1999 đã trưởng thành và Lê Phan Vĩnh H, sinh ngày 17/8/2012. Hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị L có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; anh H thì cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Theo lời thừa nhận của chị L và anh H đều thống nhất hiện nay chị L đang nuôi dưỡng con chung và Lê Phan Vĩnh H cũng có nguyện vọng sống chung với chị L, nên cần tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên chấp nhận nhưng cần thiết điều chỉnh lại mức cấp dưỡng theo quy định. Theo đó anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Chị L rút lại toàn bộ yêu cầu về tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản. Án phí sơ thẩm được quyết định theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thúy L.

- Chị Phan Thị Thúy L được ly hôn với anh Lê Ngọc H.

- Giao con chung tên Lê Phan Vĩnh H, sinh ngày 17/8/2012. cho chị Liễu nuôi dưỡng. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

* Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm thi hành số tiền thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định trên số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung. Chị L có quyền khởi kiện lại.

3. Về án phí: - Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 6.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 09937 và 09938 cùng ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên được hoàn lại 5.900.000 đồng.

- Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THA d/s huyện Cái Bè
- UBND xã Tân Hưng -CB
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Giàu